

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên;

Căn cứ Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên” của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 51/SGTVT-KHTC ngày 10 tháng

01 năm 2025 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 27/TTr-SGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên.

2. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình:

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Hướng tuyến công trình: Cơ bản theo tìm tuyến của quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 189/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 02 năm 2024, quy hoạch phân khu đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên, tỷ lệ 1/2000, quy mô 99,91ha được UBND thành phố Hà Tiên ban hành tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 và quy hoạch phân khu đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên, tỷ lệ 1/2000, quy mô 99,98 ha (giai đoạn 2) được UBND thành phố Hà Tiên ban hành Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2020.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

4. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Kiên Giang.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam.

- Tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp, công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông, nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp II.

- Thời gian sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Đối với phần đường ≥ 10 năm, kè 30 năm và Cầu vĩnh cửu.

7. Mục tiêu đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm

thành phố Hà Tiên nhằm hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, quy hoạch chung xây dựng thành phố và quy hoạch phân khu đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên. Tạo điều kiện thuận lợi kết nối giao thông liên vùng, phục vụ nhu cầu lưu thông của dân cư khu vực dự án, mở ra không gian phát triển ven biển và hoàn chỉnh khu vực cảnh quan đô thị, tạo quỹ đất và bãi tắm phát triển khu đô thị mới với diện tích khoảng 200ha tại khu vực xã Thuận Yên. Ngoài ra thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch và đảm bảo Quốc phòng an ninh.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Phần đường: Tổng chiều dài tuyến 13,318 Km, bao gồm các hạng mục: Cầu, kè, san nền, nền mặt đường, vỉa hè và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Trong đó:

- Tuyến trục chính: Xây dựng đường trục chính tiếp giáp biển (bao ngoài khu quy hoạch). Điểm đầu tuyến giao với QL.80 tại vị trí tiếp giáp mũi Ông Cọp (Km199+780 của Quốc lộ 80); điểm cuối tuyến kết nối vào QL.80 tại nút giao giữa Quốc lộ 80 với đường 2 Tháng 9 (Km207+030 của Quốc lộ 80). Chiều dài tuyến: khoảng 7,328km.

+ Cấp đường: Quy mô đường trục chính đô thị, 06 làn xe (theo TCVN 13592:2022).

+ Tốc độ thiết kế: 40-60km/h.

+ Tải trọng trục thiết kế: 12 tấn.

+ Bề rộng nền đường: 56m (trong đó: bề rộng mặt đường 2 bên x 11,5m = 23,0m; dải phân cách giữa 8,0m; phần vỉa hè 2 x 5,0m = 10,0m; phần công viên tiếp giáp kè 15,0m).

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

+ Độ dốc ngang vỉa hè: 1%

+ Taluy nền đường: 1:1,5.

+ Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$

+ Cấp mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, bê tông nhựa nóng.

- Tuyến N1 – N2: Xây dựng 02 tuyến đường 02 bên bãi tắm Thuận Yên nối từ QL.80 kết nối vào tuyến đường trục chính. Chiều dài tuyến khoảng 0,68km. Tuyến N1: Điểm đầu tuyến giao với QL.80 tại Km203+158 của Quốc lộ 80; điểm cuối tuyến kết nối vào tuyến đường trục chính tại Km3+130. Tuyến N2: Điểm đầu tuyến giao với QL.80 tại Km204+440 của Quốc lộ 80; điểm cuối tuyến kết nối vào tuyến đường trục chính tại Km4+652.

+ Cấp đường: Quy mô đường nội bộ, 06 làn xe (theo TCVN 13592:2022).

+ Tốc độ thiết kế: 60km/h.

- + Tải trọng trục thiết kế: 12 tấn.
- + Bề rộng nền đường: 41m (trong đó: bề rộng mặt đường 2 bên x 11,5m = 23,0m; dải phân cách giữa 8,0m; phần vỉa hè 2 x 5,0m = 10,0m).
- + Độ dốc ngang mặt đường: 2%.
- + Độ dốc ngang vỉa hè: 1%
- + Taluy nền đường: 1:1,5.
- + Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$
- + Cấp mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, bê tông nhựa nóng.

- Tuyến T1 - T2: Xây dựng tuyến đường chạy dọc kênh cảnh quan giữa khu quy hoạch và dân cư tiếp giáp QL.80. Chiều dài khoảng 5,31km. Tuyến T1: Điểm đầu kết nối với tuyến trục chính tại Km0+431; điểm cuối giao với tuyến N1 tại Km0+145. Tuyến T2: Điểm đầu kết nối với tuyến trục chính tại Km4+773; điểm cuối kết nối lại tuyến trục chính tại Km7+157.

- + Cấp đường: Quy mô đường gom, 02 làn xe (theo TCVN 13592:2022).
- + Tốc độ thiết kế: 40km/h.
- + Bề rộng nền đường: 6,5m (trong đó bề rộng mặt đường 5,5m)
- + Độ dốc ngang mặt đường: 3%.
- + Độ dốc lè đường: 6%.
- + Taluy nền đường: 1:1,5.
- + Cấp mặt đường: Mặt đường đắp đất núi.

b) Phần cầu: Trên tuyến xây dựng 08 cầu.

- Cầu được xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DU'L;
- Hoạt tải thiết kế: HL93, đoàn người 3×10^{-3} Mpa (TCVN 11823 : 2017);
- Tần suất thiết kế: Cầu lớn và trung P=1%; cầu nhỏ 4%.
- Quy mô mặt cắt ngang: gồm 2 đơn nguyên mỗi đơn nguyên rộng 17m. Cụ thể sau: Phần xe chạy $3 \times 3,5\text{m} = 10,5\text{m}$; dải an toàn $2 \times 0,5\text{m} = 1,5\text{m}$; phần gờ lan can phía trong $1 \times 0,5\text{m} = 0,5\text{m}$; phần gờ lan can bộ hành ngoài $1 \times 5,0\text{m} = 5,0\text{m}$. Tổng bề rộng cầu 17,0m.

- + Kết cấu mặt cầu: Bằng BTCT.
- + Kết cấu hệ lan can: Gờ lan can bằng BTCT; hệ lan can thép mạ kẽm.
- + Kết cấu móng, trụ: Bằng BTCT.
- + Kết cấu móng: Sử dụng cọc BTCT DU'L.

+ Giải pháp thiết kế từng cầu: Được trình bày trong hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án.

c) Phần kè:

- Phần kè phía biển:

+ Cao trình đỉnh kè: +3,30m;

+ Chiều rộng mặt kè B = 5,0m.

+ Phương án tuyến kè: Tuyến kè bảo vệ mặt phía biển của tuyến đường trục chính, hướng tuyến kè song song với tuyến đường trục chính, cách mép đường 20m (ngoại trừ một số vị trí tiểu cảnh khoảng cách này lớn hơn). Sau kè bố trí vỉa hè, công viên cây xanh rộng 20m, tiếp đến là tuyến đường giao thông trục chính, tiếp theo là tuyến kè phía trong tiếp giáp khu vực bãi tắm. Quy mô các tuyến kè như sau: Chiều dài kè phía ngoài: 7.395m; chiều dài kè phía trong: 1.829m.

+ Kết cấu kè mái nghiêng đá hộc đỏ, mái dốc m=2.

- Phần kè phía bãi tắm:

+ Cao độ đỉnh kè: +2,1m;

+ Kết cấu kè gia cố bằng đá hộc đỏ, mái dốc m=1,5.

d) Hệ thống thoát nước:

- Hướng thoát nước tuân thủ theo quy hoạch, toàn dự án có 17 cửa xả ra phía biển.

- Hệ thống thoát nước dọc được bố trí trong phạm vi vỉa hè. Kết cấu hệ thống thoát nước như sau: Ống cống tròn BTCT đúc sẵn bằng công nghệ quay ly tâm; móng cống, hồ thu, cửa xả bằng BTCT.

đ) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:

- Hệ thống chiếu sáng: Đầu tư lắp đặt mới hệ thống chiếu sáng trên tuyến đường trục chính và các tuyến đường N1, N2 phù hợp với quy mô của tuyến đường.

- Hệ thống cây xanh: Bố trí trồng cây xanh ở 02 bên vỉa hè.

e) Nút giao:

Trong phạm vi dự án có 4 nút giao: Nút giao đầu tuyến với QL80; nút giao cuối dự án với QL80 (giao đường 2 Tháng 9); nút giao giữa tuyến N1, N2 với tuyến chính và với Quốc lộ 80.

Các nút giao được thiết kế đồng mức, sử dụng các đảo tròn, đảo giọt nước để phân luồng kết hợp đèn tín hiệu để điều tiết giao thông.

f) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hệ thống báo hiệu theo quy định.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở).

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế tiêu chuẩn TCVN 4054-2005;
- Đường Đô thị – Yêu cầu thiết kế tiêu chuẩn TCVN 13592 – 2022;
- Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS38:2022/TCĐBVN;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10304: 2014;
- Công trình thủy lợi – Yêu cầu thiết kế đê biển TCVN 9901:2023;
- Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4253:2012;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước QCVN 07-02:2023/BXD;
- Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2023;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng QCVN 07-07:2023/BXD;
- Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 9257:2012;
- Kết cấu bê tông và BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư: 1.400.000.000.000 đồng

(Một ngàn, bốn trăm tỷ đồng chẵn)

- | | |
|-----------------------------------|------------------------|
| - Chi phí giải phóng mặt bằng: | 19.637.632.722 đồng |
| - Chi phí xây dựng: | 1.231.158.108.306 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 12.162.246.164 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 34.041.518.166 đồng |
| - Chi phí khác: | 34.341.272.940 đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 68.659.221.702 đồng |

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

+ Giai đoạn 2021-2025: 400.000 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2026-2030: 1.000.000 triệu đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định hiện hành.

15. Phương án giải phóng mặt bằng: Lập phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Giao thông vận tải) có trách nhiệm phối hợp với các ngành có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện dự án theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, đảm bảo trình tự đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Chủ tịch UBND thành phố Hà Tiên và Giám đốc (Thủ trưởng) các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải (05b);
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VP, lqkhanh (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Giang Thanh Khoa